

## TRẠNG TỪ

1. **Chức năng:** Bổ nghĩa cho động từ, tính từ hoặc trạng từ (phó từ) khác.

2. **Cấu tạo:** Adv = Adj + ly

Careful → carefully

Quiet → quietly

- Tuy nhiên cũng cần lưu ý một số tính từ cũng có tận cùng là đuôi ly: *lovely, friendly, likely, timely, ...* Và **chú ý** không thể thành lập được trạng từ với tính từ này nên để thay thế cho trạng từ và tính từ này ta dùng **prep + N** vd: **in + a/an + adj + way/manner**:

*He behaved me in a friendly way.*

- Một số trạng từ khác (phó từ khác) có cấu tạo đặc biệt: *so, very, almost, soon, often, fast, rather, there, too, ...* Và một số trạng từ **bất qui tắc**: *good → well; much → much*.

3. **Vị trí:** Trạng từ có thể đứng ở 3 vị trí trong câu: **đầu, giữa, cuối**. (khi đứng đầu câu thì có dấu “,” theo sau)

(ADV ,)	+	S	+	(Aux)	(ADV)	(Vc)	+...	(ADV)
(Đầu)				(To be)	(Giữa)			(Cuối)
				(ĐTKT)				

- ✓ Khi ở giữa câu: trạng từ đứng trước động từ thường, đứng sau **Aux, to be, động từ khuyết thiếu**.

- ✓ Trạng từ đứng sau nội động từ và trước giới từ để bổ nghĩa cho nội động từ:

*He drives carefully on the street.*

(chú ý trong TH này drive là nội động từ)

- ✓ Tuyệt đối **KHÔNG** đứng giữa động từ và tân ngữ.

*He speaks English perfectly.* → Đúng

*He speaks perfectly English.* → Sai

(Chú ý trong TH này speak là ngoại động từ.)

- ✓ Khi có nhiều trạng từ nằm cuối câu vị trí của chúng sẽ là:

*Cách thức, nơi chốn, phương tiện, tần suất, thời gian*

*He drove slowly on the street after the party.*

*He traveled to Viet Nam three times last year.*

*I go home by bus two times a week.*

- Chú ý khi câu có **not** rồi, nếu có **adv** thì ta có thể thêm **adv** vào các vị trí đầu giữa cuối và nghĩa bổ sung tương tự như tiếng Việt, vị trí ở giữa trạng từ sẽ đặt sau not.

Ví dụ:

*Actually, I don't know. (Thực sự tôi không biết.)*

*I actually don't know. (Tôi thực sự không biết.)*

*I don't actually know. (Tôi không thực sự biết.)*

*I don't know actually. (Tôi không biết thực sự.)*

#### 4. Quy tắc thành lập trạng từ

##### 4.1. Thông thường ta thêm đuôi “ly” vào sau tính từ:

ADJ + LY → ADV

Fluent	Beautiful	Interesting	Quick	Clear	obvious
Fluently					

##### 4.2. Khi tính từ tận cùng là “le” ta bỏ “e” rồi cộng thêm “ly”

Gentle	Simple	Terrible	Horrible	Probable
Gently				

##### 4.3. Tính từ tận cùng bằng đuôi “ic” ta thêm “al” rồi cộng thêm “ly”

Economic	Tragic	Dramatic	Fantastic	Romantic
Economically				

##### 4.4. Tính từ tận cùng bằng “y” ta đổi “y” -> i + ly

Easy	Happy	Angry	Busy	funny
Easily				

##### 4.5. Tính từ biến đổi hoàn toàn khi chuyển sang trạng từ (trạng từ bất quy tắc)

Good → well

##### 4.6. Một số tính từ biến đổi sang trạng từ giữ NGUYÊN (trạng từ bất quy tắc)

Hard, fast, late, early, monthly, daily, near, far, high, wrong, low...

Ví dụ:

✓ **Hard (adv):** chăm chỉ, nỗ lực, nặng, khắc nghiệt.

*He works hard. (anh ấy làm việc chăm chỉ)*

**Hard (adj):** cứng rắn, nghiêm khắc, khắc nghiệt, khó khăn, chăm chỉ.

*It's hard work. (Nó là công việc khó khăn)*

Ngoài ra **hardly = adv:** có nghĩa là: hầu như không

*Nam hardly do his homework. (Nam hầu như không làm bài tập về nhà)*

✓ **Late (adv):** chậm, muộn, trễ.

*I'm sorry, I wake up late. (Tôi xin lỗi, tôi dậy muộn)*

**Late (adj):** chậm, muộn, trễ, cuối

*In late summer (cuối mùa hè)*

Ngoài ra **lately = adv:** có nghĩa là gần đây

*I have not seen them lately. (Gần đây, tôi không thấy họ)*

#### 4.7. Đối với một số TÍNH TỪ có tận cùng bằng “ly” -> ta thành lập TRẠNG TỪ theo cấu trúc: in a/an + adj-ly + way/ manner

Friendly → in a friendly way → Ta KHÔNG sử dụng: friendlily

Lovely → in a lovely way → Ta KHÔNG sử dụng: lovelily

Silly → in a silly way → Ta KHÔNG sử dụng: sillily